

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS - ST
Ngày 06 - 6 - 2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Tòa án nhân dân huyện C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Bùi Hữu Khánh**

Ông **Nguyễn Văn Hành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2018/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị P** – sinh năm 1971 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã TH, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị B1** – sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã TH, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Ngô Hoàng B2** – sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã TH, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Lê Thị P** trình bày: Trước đây bà Nguyễn Thị B1 có vay của bà số tiền là 25.000.000 đồng, nhưng sau khi vay tiền thì bà B1 không có trả lãi và vốn cho bà, đến ngày 08 tháng 8 năm 2018 bà Nguyễn Thị B1 có làm bản cam kết trả nợ cho bà số tiền nêu trên trong thời hạn 03 ngày, bản cam kết có sự chứng kiến của ông Phan Việt S là đại diện chính quyền ấp T, xã TH, huyện C, tỉnh Cà Mau chứng kiến và ký xác nhận. Tuy nhiên sau khi làm cam kết thì bà B1 vẫn không thực hiện trả nợ cho bà. Nay

bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc bà Nguyễn Thị B1 phải trả cho bà số tiền là 25.000.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu ngày 18 tháng 01 năm 2019 bà Nguyễn Thị B1 trình bày: Bà biết chồng bà là ông Ngô Hoàng B2 có vay tiền của bà Lê Thị P số tiền là 19.000.000 đồng để xây dựng nhà cho cha, mẹ ruột của bà. Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà mới sinh con còn nhỏ nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C cho bà hoãn thời gian trả nợ cho bà Lê Thị P thời gian là 60 ngày.

Tại biên bản làm việc của Tòa án đối với ông Ngô Hoàng B2 ngày 20 tháng 3 năm 2019 thì ông Ngô Hoàng B2 xác định ngày 19 tháng 9 năm 2018 ông và bà B1 chung sống như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì ông và bà B1 có qua nhà hỏi bà Nguyễn Thị B1 25.000.000 đồng để xây cất nhà cho cha, mẹ ruột của bà B1 và khi vay bà B1 đứng ra chịu trách nhiệm khoản nợ này, ông không liên quan đến. Hiện nay ông và bà B1 cũng không còn sống chung. Nay ông xác định số tiền vay của bà Phường là dùng để cất nhà cho cha, mẹ ruột của bà B1, ông không có sử dụng để chi xài cá nhân hoặc cho gia đình. Hơn nữa chính bà B1 làm cam kết trả nợ cho bà Phường 25.000.000 đồng. Do đó ông xác định không có trách nhiệm phải cùng bà B1 trả nợ cho bà Phường. Đồng thời do hoàn cảnh khó khăn và đi làm ăn ở xa nên ông xin được giải quyết vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể là tranh chấp “*Đòi lại tài sản*” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị B1 và ông Ngô Hoàng B2 có địa chỉ cư trú tại Trần Mót, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án như sau: Giao dịch giữa các đương sự là có xảy ra trên thực tế và được bà Nguyễn Thị B1 thống nhất thừa nhận tại bản cam kết trả nợ ngày 08 tháng 8 năm 2018 dương lịch và văn bản trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị B1 ngày 18 tháng 01 năm 2019. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sự việc bà Nguyễn Thị B1 cam kết trả nợ cho bà Lê Thị P là có xảy ra trên thực tế, nhưng ông bà B1 không thực hiện theo cam kết. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Lê Thị P đối với bà Nguyễn Thị B1 là có cơ sở chấp nhận.

Đối với trách nhiệm của ông Ngô Hoàng B2 về số nợ của bà Lê Thị P. Hội đồng xét xử xét thấy tại hồ sơ thể hiện bà B1 và ông Hoàng B2 vay tiền của bà Lê Thị P để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà cho cha, mẹ ruột của bà B1, không phải sử dụng cho chi xài cá nhân ông Hoàng B2 và cũng không dùng để chi xài trong cuộc sống vợ chồng của bà B1 và ông Hoàng B2. Mặt khác giữa ông Hoàng B2 và bà Nguyễn Thị B1 chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn và bà B1 là người cam kết trả nợ cho bà Phường. Nên Hội đồng xét xử xét thấy ông Ngô Hoàng B2 không phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Nguyễn Thị B1 trả cho bà Lê Thị P số tiền là 25.000.000 đồng.

Đối với số tiền kể từ ngày bà Lê Thị P có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị B1 không thi hành xong thì bà Nguyễn Thị B1 còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí bà Nguyễn Thị B1 phải chịu theo quy định của pháp luật. Như vậy bà Nguyễn Thị B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 25.000.000 đồng x 5% = 1.250.000 đồng.

Bà Lê Thị P không phải chịu án phí. Bà Lê Thị P được nhận lại 625.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004948 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 166, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị P đối với bà Nguyễn Thị B1. Buộc bà Nguyễn Thị B1 phải trả cho bà Lê Thị P số tiền là 25.000.000 đồng.

Đối với số tiền kể từ ngày bà Lê Thị P có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị B1 không thi hành xong thì bà Nguyễn Thị B1 còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Buộc bà Nguyễn Thị B1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.250.000 đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Lê Thị P không phải chịu án phí. Bà Lê Thị P được nhận lại 625.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004948 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Hoàng B2, bà Nguyễn Thị B1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết